

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 01-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Chiếu

Bà Hà Thúy Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ, ngày 17/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/HSST-QĐ, ngày 06/02/2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 12 năm 2002, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Sỹ H, sinh năm 1980 và bà: Phan Thị H, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 07/12/2021 bị cáo bị Công an huyện Đình Lập xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe, cố ý làm hư hỏng tài sản, phạt tiền 6.000.000 đồng; nhân thân: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04 tháng 5 năm 2022 đến ngày 09/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt.

2. **Đoàn Văn T**, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1994, tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn N, sinh năm 1971 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không,

tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 07/12/2021 bị Công an huyện Đình Lập xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000đồng; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2010/HSST, ngày 5/8/2010 Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Đoàn Văn T 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 5 năm 2022, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. **Ngô Minh H**, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 24 tháng 02 năm 1996, tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Minh A (Ngô Minh B), sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 6 năm 2022, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. **Tô Văn D**, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 25 tháng 6 năm 2000, tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Văn L, sinh năm 1976 và bà: Đinh Thị T, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị cáo bị tạm giam từ ngày 22 tháng 6 năm 2022, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn D: Bà Nguyễn Thanh Huyền là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Dương Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Anh Bé Xuân T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Anh Bé Mạnh D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/5/2022, Trần Văn H nhắn tin (qua ứng dụng Facebook messenger) cho Đoàn Văn T, Tô Văn D và Dương Thị L về việc sẽ cùng nhau sử dụng ma túy vào ngày 02/5/2022, tuy nhiên Dương Thị L từ chối. Trần Văn H nhắn tin cho Đoàn Văn T, Tô Văn D bảo mỗi người sẽ bỏ ra 1.000.000 (một triệu đồng) để mua ma túy (thuốc lắc và ketamine) về cùng sử dụng, Đoàn Văn T, Tô Văn D đồng ý. Khoảng 8 giờ ngày 02/5/2022, Trần Văn H một mình đi xe khách từ thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến cửa hàng xăm hình nghệ thuật ở thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang của Ngô Minh H. Tại đây Trần Văn H bảo với Ngô Minh H sẽ mua ma túy (thuốc lắc, ketamine) về để sử dụng cùng với nhau vào tối ngày 02/5/2022. Trần Văn H nhắn tin (qua ứng dụng Facebook Messenger) cho Đoàn Văn T, Tô Văn D bảo chuyển tiền cho Trần Văn H để đi lấy ma túy. Sau đó Đoàn Văn T chuyển 1.000.000 (một triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của Trần Văn H, còn Tô Văn D sau khi được Trần Văn H nhắn tin biết có Ngô Minh H sẽ tham gia sử dụng ma túy cùng nên Tô Văn D bảo để Ngô Minh H ứng tiền ra trước cho Tô Văn D, sau khi về nhà Tô Văn D sẽ đưa lại tiền cho Ngô Minh H. Tuy nhiên Ngô Minh H chưa có tiền mặt nên Trần Văn H ứng tiền ra trước để mua ma túy. Sau đó Trần Văn H gọi điện thoại cho một người đàn ông tên Lâm (không rõ lai lịch) để mua ma túy với số lượng 05 viên thuốc lắc và 02 chỉ Ketamine, Lâm đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Lâm đi taxi đến thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang thì gọi điện thoại cho Trần Văn H để ra lấy ma túy, sau đó Ngô Minh H điều khiển xe mô tô chở Trần Văn H ra để lấy ma túy, Trần Văn H trả Lâm số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền mua ma túy là 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn đồng), tiền xe taxi là 500.000 (năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được ma túy Ngô Minh H điều khiển xe mô tô chở Trần Văn H đi từ thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang về xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Ngô Minh H chuyển khoản cho Trần Văn H số tiền 900.000 (chín trăm nghìn đồng) là tiền Ngô Minh H góp để mua ma túy về sử dụng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Ngô Minh H và Trần Văn H đi đến quán bia của anh Phan Đình P, tại thôn C, xã L để uống bia. Sau đó thì có Đoàn Văn T, Phạm Hoàng L đến quán bia của anh Phan Đình P. Đoàn Văn T vào ngồi uống bia cùng Trần Văn H và Ngô Minh H còn Phạm Hoàng L không uống bia mà ra bàn gần đó ngồi uống nước chè với anh Phan Đình P. Trong quá trình uống bia, Ngô Minh H đưa cho Trần Văn H 100.000 (một trăm nghìn đồng) là tiền Ngô Minh H còn thiếu khi góp tiền mua ma túy, Đoàn Văn T gọi điện cho Tô Văn D bảo đến quán bia của Phan Đình P để ngồi uống nước chè. Khoảng 15 phút sau, Tô Văn D một mình điều khiển xe mô tô đến quán bia. Sau đó Tô Văn D chuyển 1.000.000 (một triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng của Ngô Minh H là tiền Tô Văn D góp để mua ma túy về sử dụng (số tiền này Ngô Minh H chưa đưa lại cho Trần Văn H). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Trần Văn H đi sang

quán hát Karaoke của anh Đỗ Đình T, tại thôn C, xã L để đặt phòng hát Karaoke. Sau đó Trần Văn H ra đứng ở trước cửa quán Karaoke thì gặp Hoàng Văn Q, Bé Xuân T và Dương Thị L đi qua quán. Trần Văn H rủ Hoàng Văn Q vào quán Karaoke để hát, còn Bé Xuân T và Dương Thị L điều khiển xe mô tô về nhà. Sau đó Trần Văn H và Hoàng Văn Q đi sang quán bia để đợi mọi người. Trên đường về, Bé Xuân T được Đoàn Văn T nhắn tin (qua ứng dụng Facebook Messenger) rủ Bé Xuân T cùng sử dụng ma túy tại quán Karaoke của anh Đỗ Đình T, Bé Xuân T đồng ý và chờ Dương Thị L quay lại. Khi đến quán, Bé Xuân T và Dương Thị L không vào quán mà đứng đợi ở ngoài quán bia của Phan Đình P.

Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, nhóm 05 người gồm: Trần Văn H, Ngô Minh H, Đoàn Văn T, Hoàng Văn Q, Tô Văn D đi từ quán bia sang quán Karaoke của anh Đỗ Đình T, vào phòng trong cùng để hát Karaoke. Sau khi mọi người đi sang quán hát thì Bé Xuân T và Dương Thị L thấy Phạm Hoàng L và Bé Mạnh D đang ngồi uống nước chè ở quán bia của Phan Đình P, do có quen biết Bé Mạnh D nên Bé Xuân T rủ Bé Mạnh D sang quán Karaoke để hát, Bé Mạnh D đồng ý và cùng đi với Bé Xuân T và Dương Thị L sang quán Karaoke. Phạm Hoàng L thấy vậy cũng theo sang quán Karaoke. Khi vào phòng hát được khoảng 05 phút, Trần Văn H ra ngoài gặp chủ quán là ông Đỗ Đình T để hỏi mượn 01 chiếc đĩa mục đích dùng để sơ chế ma túy (Ketamine), nhưng Trần Văn H không nói mục đích mượn đĩa để làm gì và được chủ quán chỉ cho Trần Văn H chỗ để đĩa ở trên giá và bảo Trần Văn H tự ra lấy. Sau khi mượn được đĩa sứ, Trần Văn H cầm vào phòng hát, rồi lấy 05 viên thuốc lắc từ trong túi quần bên phải ra, Trần Văn H cầm 04 viên thuốc lắc bẻ đôi và chia cho 08 người trong phòng hát gồm Đoàn Văn T, Ngô Minh H, Tô Văn D, Bé Mạnh D, Hoàng Văn Q, Dương Thị L, Phạm Hoàng L, Bé Xuân T để sử dụng, còn bản thân Trần Văn H sử dụng 01 viên. Sau khi mọi người sử dụng ma túy (thuốc lắc) được khoảng 40 phút, Trần Văn H mang 02 chỉ Ketamine đã mua từ trước bỏ lên trên 01 đĩa sứ màu trắng, dùng bật lửa đốt hơi vào mặt dưới của đĩa sứ để làm nóng đĩa, sau đó Trần Văn H dùng 01 thẻ Card hình chữ nhật (không rõ của ai) để mài làm mịn ma túy (ketamine) thành bột rồi chia nhỏ thành các đường chỉ nhỏ dài khoảng 3-4cm và lấy 01 ống hút được cuộn sẵn bằng tiền polime mệnh giá 10.000 đồng (không rõ ai chuẩn bị) rồi đưa đĩa sứ có chứa các đường chỉ mỏng ma túy Ketamine đến trước mặt từng người trong phòng hát để cho từng người sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Hoàng Văn Q gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn M đến quán hát Karaoke của Đỗ Đình T để hát và uống bia, Nguyễn Văn M đồng ý. Khi Nguyễn Văn M mở cửa vào quán thì thấy trong phòng bật nhạc âm thanh lớn và mọi người trong phòng hát đang nhảy, Nguyễn Văn M đi vào ngồi uống bia, nghe nhạc. Thấy Nguyễn Văn M vào phòng Karaoke Trần Văn H cầm 01 đĩa sứ màu trắng bên trên đĩa có ma túy Ketamine mang đến chỗ Nguyễn Văn M mời Nguyễn Văn M cùng sử dụng. Nguyễn Văn M biết mọi người trong phòng đang sử dụng ma túy, Nguyễn Văn M đồng ý và cùng sử dụng ma túy. Đến 23 giờ 45 phút cùng ngày, Công an huyện Đình Lập và Công an xã L kiểm tra quán hát Karaoke phát hiện nhóm 10 người trên đang sử dụng trái phép chất

ma túy. Quá trình test nhanh ma túy nhóm 10 người trên đều dương tính với ma túy ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 354/KL - PC09 ngày 10/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Các hạt tinh thể thu giữ tại phòng hát Karaoke gửi giám định đều là chất ma túy Katemine, có tổng khối lượng 0.002 gam.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-ĐL, ngày 30/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Trần Văn H, Đoàn Văn T, Ngô Minh H, Tô Văn D về tội Tổ chức sử dụng phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Hoàng Văn Q khai được Trần Văn H rủ vào quán Karaoke để hát và được Trần Văn H phát ma túy cho sử dụng.

Bé Xuân T khai được Đoàn Văn T nhắn tin (qua ứng dụng Facebook Messenger) rủ Bé Xuân T cùng sử dụng ma túy tại quán Karaoke của anh Đỗ Đình T, Bé Xuân T đồng ý và chở Dương Thị L cùng đến quán hát và được Trần Văn H phát ma túy cho sử dụng.

Dương Thị L khai được cùng Bé Xuân T đến quán Karaoke của anh Đỗ Đình T và được Trần Văn H phát ma túy cho sử dụng.

Bé Mạnh D khai được Bé Xuân T rủ sang quán Karaoke để hát, Bé Mạnh D đồng ý và cùng đi với Bé Xuân T và Dương Thị L sang quán Karaoke và được Trần Văn H phát ma túy cho sử dụng.

Phạm Hoàng L khai đang đi chơi cùng Bé Mạnh D thấy Bé Mạnh D đi vào quán Karaoke nên cũng đi và được Trần Văn H phát ma túy cho sử dụng.

Nguyễn Văn M khai được Hoàng Văn Q gọi điện rủ đi hát, khi vào phòng Karaoke Trần Văn H cầm 01 đĩa sứ màu trắng bên trên đĩa có ma túy Ketamine mang đến chỗ Nguyễn Văn M mời Nguyễn Văn M cùng sử dụng, Nguyễn Văn M đồng ý và sử dụng ma túy.

Anh Đỗ Đình T chủ quán Karaoke khai Trần Văn H đến thuê phòng hát có hỏi anh mượn đĩa nhưng anh không biết mục đích dùng làm gì và không biết việc Trần Văn H và những người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Đoàn Văn T, Ngô Minh H, Tô Văn D phạm tội Tổ chức sử dụng phép chất ma túy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn H, Ngô Minh H, Tô Văn D; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều

51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Đoàn Văn T: Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù; Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Minh H và Tô Văn D: Xử phạt bị cáo Ngô Minh H từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù; Xử phạt bị cáo Tô Văn D từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu để tiêu hủy gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng có đường kính 20cm, phần đáy đĩa có nhiều vết đen bám dính giống như bị hơi đốt; 01 (một) túi nilong có kích thước 2 cm x 2,5cm, miệng túi bị xé rách, mặt trong có bám dính các hạt dạng tinh thể, được niêm phong trong phong bì thư dán kín ghi chữ “Túi ni-lông KT2x2,5cm vụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 03/5/2022 tại xã Lâm Ca” có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an xã Lâm Ca nơi giáp lai; 01 (một) bát lửa ga màu đỏ, không có nhãn hiệu.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 11, màu xanh ngọc, có số IMEI: 356860110856041, bên trong chứa sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0383571173, điện thoại cũ đang sử dụng. Điện thoại của Tô Văn D.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C1, màu đen, số IMEI 1: 867013043177752, số IMEI 2: 86701304317745, bên trong chứa sim điện thoại nhãn hiệu VIETTEL có số thuê bao +84365905900, điện thoại cũ đang sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt vỡ. Điện thoại của Trần Văn H.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 359412080618220, bên trong chứa sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0987110204, điện thoại cũ đang sử dụng. Điện thoại của Đoàn Văn T.

Trả lại tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trả lại cho Dương Thị L 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 11 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 1: 353889100627925, số IMEI 2: 353889100644425, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Bé Mạnh Du 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A21S, màu xanh tím, số IMEI 1 :353996324061151, số IMEI 2: 354281944061157 bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0986471333, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Phạm Hoàng L 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 11, màu tím, số IMEI :352903119138195, bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0971068797, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Văn M 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE20, màu xám, số IMEI 1 :350247875755001, số IMEI 2: 353791665755002 bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0967106616, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Hoàng Văn Q 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 359171071457895, bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0982368209, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Bế Xuân T 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO Reno2 F, màu xanh trắng, số IMEI 1: 869563046027154, số IMEI 2: 869563046027147 bên trong chứa sim điện thoại VINAPHONE và 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0355544365, điện thoại cũ đang sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn D nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là ông bà nội của bị cáo được tặng thưởng huân, huy chương.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều thấy hối hận về hành vi phạm tội của bản thân và đều cam đoan từ nay không vi phạm nữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám xét của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trần Văn H có hành vi nhắn tin (qua ứng dụng Facebook messenger) rủ Đoàn Văn T, Tô Văn D, Ngô Minh H góp tiền mua ma túy (thuốc lắc và ketamine) về để sử dụng cùng với nhau vào tối ngày 02/5/2022, Trần Văn H là người khởi xướng, trực tiếp nhận tiền của những người khác góp và trực tiếp liên lạc mua ma túy, đặt phòng hát ở quán Karaoke của Đỗ Đình T, chuẩn bị công

cụ, phương tiện (đĩa sứ) để thực hiện hành vi đưa chất ma túy vào cơ thể những người có mặt tại phòng hát Karaoke. Đoàn Văn T có hành vi nhắn tin rủ Bé Xuân T đến để cùng sử dụng trái phép chất ma túy, góp tiền mua ma túy và đồng ý với việc Trần Văn H cho 06 người khác không góp tiền mua ma túy nhưng sử dụng chung, Tô Văn D, Ngô Minh H tuy không trực tiếp rủ những người khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy nhưng đã cùng nhau góp tiền để Trần Văn H đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng và không phản đối việc Trần Văn H cho 06 người khác không góp tiền mua ma túy cùng sử dụng. Do đó Cáo trạng truy tố các bị cáo Trần Văn H, Đoàn Văn T, Ngô Minh H và Tô Văn D về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng rủ Đoàn Văn T, Tô Văn D, Ngô Minh H góp tiền mua ma túy mục đích ban đầu là để từng bị cáo được sử dụng ma túy; Trần Văn H còn là người trực tiếp nhận tiền của những người khác góp và trực tiếp mua ma túy, cất giữ ma túy, đặt phòng hát ở quán Karaoke, chuẩn bị công cụ, phương tiện (đĩa sứ) để thực hiện hành vi đưa chất ma túy vào cơ thể 09 người có mặt tại phòng hát Karaoke nên là người có vai trò chính quyết định trong vụ án, phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Đoàn Văn T rủ Bé Xuân T đến để cùng sử dụng trái phép chất ma túy, góp tiền mua ma túy, biết và đồng ý với việc Trần Văn H cho 06 người khác không góp tiền mua ma túy nhưng sử dụng chung nên có vai trò quan trọng, tích cực trong vụ án. Ngô Minh H tiếp nhận ý chí của Trần Văn H đã đồng ý góp tiền mua ma túy, biết và không phản đối việc Trần Văn H cho 06 người khác không góp tiền mua cùng sử dụng nên có vai trò thứ yếu không mang tính quyết định. Tô Văn D tiếp nhận ý chí của Trần Văn H đã đồng ý góp tiền mua ma túy về sử dụng, biết và không phản đối việc Trần Văn H cho 06 người khác không góp tiền mua cùng sử dụng ma túy nên có vai trò thứ yếu, thấp nhất không mang tính quyết định trong vụ án.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Văn H và Đoàn Văn T là rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo Ngô Văn H và Tô Văn D là nghiêm trọng vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác.

[5] Về năng lực trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm và để các bị cáo cải tạo thành những công dân có ích cho xã hội.

[6] Xét về nhân thân, thấy rằng: Bị cáo Trần Văn H có 01 tiền sự, ngày 07/12/2021 bị Công an huyện Đình Lập xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

xâm hại sức khỏe, cố ý làm hư hỏng tài sản, phạt tiền 6.000.000 đồng, tuy đã chấp hành xong tiền phạt nhưng đến thời điểm phạm tội chưa đủ 01 năm nên bị coi là có tiền sự là người có nhân thân xấu. Bị cáo Đoàn Văn T có 01 tiền sự, ngày 07/12/2021 bị Công an huyện Đình Lập xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000 đồng, tuy đã chấp hành xong tiền phạt nhưng đến thời điểm phạm tội chưa đủ 01 năm nên bị coi là có tiền sự là người có nhân thân xấu; ngoài ra tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2010/HSST, ngày 5/8/2010 Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Đoàn Văn T 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản đã chấp hành xong không xác định là tiền án nhưng thể hiện ngoài lần phạm tội này bị cáo còn nhiều lần vi phạm pháp luật. Các bị cáo Ngô Minh H, Tô Văn D đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm không đáng kể nên được coi là có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn H mắc bệnh Hội chứng thận hư và Hội chứng viêm cầu thận cần điều trị định kỳ nên thuộc trường hợp có hoàn cảnh khó khăn do bệnh tật; bị cáo Ngô Minh H đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng là tiền bị cáo Tô Văn D chuyển vào tài khoản để góp tiền mua ma túy, bố bị cáo đang mắc bệnh ung thư phế quản và phổi cần điều trị định kỳ nên thuộc trường hợp gia đình đang có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bị cáo Tô Văn D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt như Cáo trạng đã xác định, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm và để các bị cáo cải tạo thành những công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên căn cứ vào vai trò đồng phạm, tích chất mức độ hành vi, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, cần cá thể hóa mức hình phạt đối với từng bị cáo, cụ thể: Đối với bị cáo Trần Văn H và Đoàn Văn T cần áp dụng mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự cho từng bị cáo; đối với bị cáo Ngô Minh H và Tô Văn D có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt cho từng bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung là phạt tiền, qua xác minh tại địa phương, các bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[10] Đối với hành vi của Bé Xuân T nhắn tin cho Trần Văn H bảo cho Bé Xuân T, Bé Mạnh Dũng, Hoàng Văn Q, Dương Thị L cùng sử dụng ma túy vào tối ngày 02/5/2022, nhưng sau đó Bé Xuân T không rủ những người trên đến

quán Karaoke để sử dụng ma túy, vì vậy không có căn cứ xử lý Bế Xuân T về hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với Hoàng Văn Q có hành vi gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn M đến quán Karaoke, sau đó Nguyễn Văn M sử dụng ma túy tại quán hát, nhưng mục đích của Hoàng Văn Q gọi điện cho Nguyễn Văn M đến quán Karaoke để hát nên không có căn cứ xử lý Hoàng Văn Q về hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với người đàn ông tên Lâm không rõ địa chỉ cụ thể, chỉ biết trú tại thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, có số điện thoại 0326266789 đã bán ma túy cho Trần Văn H, quá trình xác minh thấy từ ngày 30/4/2022 đến ngày 10/5/2022 thuê bao nói trên không hoạt động ở huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, không có liên lạc với số thuê bao của Trần Văn H, chủ thuê bao là Nguyễn Xuân Tùng, sinh năm 1989, HKTT: phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không thể điều tra làm rõ nên không xử lý trong vụ án.

[11] Về vật chứng trong vụ án cần tịch thu tiêu hủy gồm các vật chứng là vật cấm lưu hành và không có giá trị có liên quan đến việc phạm tội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Vật chứng trong vụ án cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước gồm các vật chứng đã sử dụng vào việc phạm tội hoặc liên quan đến việc phạm tội và có giá trị như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tài sản đã thu giữ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[12] Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo Ngô Minh H đã nhận với Tô Văn D để góp mua ma túy nhưng chưa chuyển cho Trần Văn H bị cáo Ngô Minh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[13] Xét đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tô Văn D về mức hình phạt phù hợp được chấp nhận, lời đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Tô Văn D do ông, bà nội của bị cáo được tặng thưởng huân, huy chương là không có căn cứ để chấp nhận.

[15] Lời nói sau cùng các bị cáo đều thể hiện sự ăn năn hối cải, cam kết không tái phạm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[16] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Tô Văn D là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp miễn án phí nhưng không đề nghị miễn án phí nên phải chịu theo quy định. Các bị cáo,

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 54 và Điều 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Minh H và Tô Văn D.

Căn cứ vào khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Đoàn Văn T, Ngô Minh H, Tô Văn D phạm tội Tổ chức sử dụng phép chất ma túy.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 08 (tám) năm tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04 tháng 5 năm 2022 đến ngày 09 tháng 12 năm 2022 là 07 (bảy) tháng 10 (mười) ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng 20 (hai mươi) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 31 tháng 5 năm 2022.

2.3. Xử phạt bị cáo Ngô Minh H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 22 tháng 6 năm 2022.

2.4. Xử phạt bị cáo Tô Văn D 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 22 tháng 6 năm 2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng có đường kính 20cm, phần đáy đĩa có nhiều vết đen bám dính giống như bị hơi đốt;

- 01 (một) túi nilong có kích thước 2cm x 2,5cm, miệng túi bị xé rách, mặt trong có bám dính các hạt dạng tinh thể, được niêm phong trong phong bì thư dán kín ghi chữ “Túi ni-lông KT2x2,5cm vụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 03/5/2022 tại xã Lâm Ca” có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an xã Lâm Ca nơi giáp lại;

- 01 (một) bật lửa ga màu đỏ, không có nhãn hiệu.

3.2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 11, màu xanh ngọc, có số IMEI: 356860110856041, bên trong chứa sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0383571173, điện thoại cũ đang sử dụng. Điện thoại của Tô Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C1, màu đen, số IMEI 1: 867013043177752, số IMEI 2: 86701304317745, bên trong chứa sim điện thoại nhãn hiệu VIETTEL có số thuê bao +84365905900, điện thoại cũ đang sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt vỡ. Điện thoại của Trần Văn H.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 359412080618220, bên trong chứa sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0987110204, điện thoại cũ đang sử dụng. Điện thoại của Đoàn Văn T.

3.3. Trả lại tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trả lại cho Dương Thị L 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 11 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 1: 353889100627925, số IMEI 2: 353889100644425, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Bế Mạnh D 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A21S, màu xanh tím, số IMEI 1 :353996324061151, số IMEI 2: 354281944061157 bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0986471333, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Phạm Hoàng L 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 11, màu tím, số IMEI :352903119138195, bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0971068797, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Văn M 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE20, màu xám, số IMEI 1 :350247875755001, số IMEI 2: 353791665755002 bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0967106616, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Hoàng Văn Q 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 359171071457895, bên trong chứa 01 sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0982368209, điện thoại cũ đang sử dụng.

- Trả lại cho Bế Xuân T 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO Reno2 F, màu xanh trắng, số IMEI 1: 869563046027154, số IMEI 2: 869563046027147 bên trong chứa sim điện thoại VINAPHONE và 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0355544365, điện thoại cũ đang sử dụng.

(Các vật chứng tại mục 3.1 đến 3.3 hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2022).

3.3. Tịch thu của bị cáo Ngô Minh H số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Án phí: Các bị cáo Trần Văn H, Đoàn Văn T, Ngô Minh H, Tô Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Chung